TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** **TỈNH QU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 01/2025/QĐST-KDTM	*B, ngày 07 tháng 01 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 và Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 13; khoản 3 Điều 18; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 30 tháng 12 năm 2024, về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án tranh chấp kinh doanh thương mại thụ lý số: 11/2024/TLST-KDTM ngày 07 tháng 10 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Ngân hàng H; địa chỉ: khối C thuộc tầng 1, tầng 4 toà nhà N04, đường H, phường Tr, quận C, thành phố H.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quốc C – Chủ tịch hội đồng quản trị;

Đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Xuân H – Phó Giám đốc phụ trách Ngân hàng H chi nhánh Qu.

Đại diện theo ủy quyền lại: Ông Trần Ngọc H – Trưởng phòng giao dịch B Ngân hàng H chi nhánh Qu; địa chỉ: TDP1, thị trấn H, huyện B, tỉnh Qu.

- **Bị đơn**: Ông Lê Hải Đ, sinh năm 1985 và bà Trần Thị H, sinh năm 1990; nơi cư trú: thôn Phúc Tự Đ, xã Đại Tr, huyện B, tỉnh Qu.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về nghĩa vụ thanh toán:

Căn cứ Hợp đồng cho vay hạn mức số 099/2023/HĐHM giữa Ngân hàng H và ông Lê Hải Đ, bà Trần Thị H đã ký hai hợp đồng vay từng lần: Hợp đồng cho vay ngắn hạn từng lần số: 099-1/2023/HĐCV ngày 22/3/2023; thời hạn vay 12 tháng, dư nợ là 800.000.000 đồng; lãi suất cho vay là 11, 5 %/ năm và Hợp đồng cho vay ngắn hạn từng lần số: 099-2/2023/HĐCV ngày 22/3/2023; thời hạn vay 11 tháng, dư nợ là 700.000.000 đồng; lãi suất cho vay là 11, 5 %/ năm.

Đại diện Ngân hàng H và ông Lê Hải Đ, bà Trần Thị H thống nhất trình bày: Tính đến ngày 30/12/2024 ông Lê Hải Đ và bà Trần Thị H còn nợ của Ngân hàng H số tiền: 1.723.394.048 đồng, trong đó tiền gốc là 1.500.000.000 đồng, tiền lãi là 223.394.048 đồng.

Các bên thống nhất thoả thuận ông Lê Hải Đ và bà Trần Thị H phải trả toàn bộ số tiền gốc và lãi phát sinh trong thời gian 03 tháng cho Ngân hàng H số tiền 1.723.394.048 đồng theo lộ trình trả nợ cụ thể như sau:

- Chậm nhất ngày 28/02/2025: anh Lê Hải Đ và chị Trần Thị H phải trả cho Ngân hàng H số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) tiền gốc.

- Chậm nhất ngày 30/3/2025: anh Lê Hải Đ và chị Trần Thị H phải trả cho Ngân hàng H số tiền 1.200.000.000 đồng (một tỷ hai trăm triệu đồng) tiền gốc, 223.394.048 đồng (hai trăm hai mươi ba triệu ba trăm chín mươi tư nghìn không trăm bốn mươi tám đồng) tiền lãi tính đến ngày 30/12/2024.

- Kể từ ngày 31/12/2024 anh Đ và chị H còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng cho vay ngắn hạn từng lần số: 099-1/2023/HĐCV ngày 22/3/2023 và Hợp đồng cho vay ngắn hạn từng lần số: 099-2/2023/HĐCV ngày 22/3/2023.

- Các bên thống nhất thoả thuận nếu trong thời hạn đã cam kết trả nợ giữa anh Đ, chị H và Ngân hàng mà anh Đ, chị H vi phạm bất cứ một kỳ trả nợ nào thì Ngân hàng H có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự kê biên, phát mại toàn bộ tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp Bất động sản số: 116/2020/HĐTC ngày 04/08/2020; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp Bất động sản số: 013/2021/HĐBS ngày 17/03/2021 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp Bất động sản số: 035/2023/HĐBS ngày 22/03/2023 để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

2.2. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: anh Đ và chị H phải chịu toàn bộ số tiền 3.600.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Do Ngân hàng H đã nộp tạm ứng số tiền này để chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ nên anh Đ và chị H phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ngân hàng H số tiền 3.600.000 đồng.

2.3. Về án phí:

Các bên đương sự Ngân hàng H và ông Lê Hải Đ, bà Trần Thị H thoả thuận ông Lê Hải Đ, bà Trần Thị H phải chịu 31.850.500 đồng tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Ông Lê Hải Đ và bà Trần Thị H có đơn xin giảm án phí đã được chính quyền địa phương xác nhận nên giảm 50% án phí (số tiền là 15.925.250 đồng). Số tiền án phí ông Đ và bà H còn phải nộp là 15.925.250 đồng (mười lăm triệu chín trăm hai mươi lăm nghìn hai trăm năm mươi đồng).

Trả lại cho Ngân hàng H số tiền 30.078.000 đồng (ba mươi triệu không trăm bảy mươi tám nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm mà Ngân hàng đã nộp tại chi cục Thi hành án dân sự huyện B theo biên lai số 0002705 ngày 07/10/2024.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKS huyện B;
- THA huyện B;
- TAND tỉnh Qu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Thị Lan Phương